



HAGL Group

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Quý I năm 2017

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	7 - 51

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

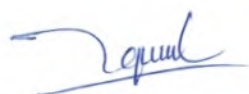
Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.551.688.370	9.394.220.363
110	I. Tiền	4	209.295.185	791.208.293
111	1. Tiền		209.295.185	791.208.293
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.803.069.877	6.768.206.227
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.900.880.899	1.772.653.862
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.168.538.926	1.316.838.516
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	2.819.983.988	2.034.357.256
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.941.810.584	1.672.681.113
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(28.144.520)	(28.324.520)
140	III. Hàng tồn kho	9	1.359.439.105	1.789.466.577
141	1. Hàng tồn kho		1.392.401.529	1.822.154.682
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(32.962.424)	(32.688.105)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.179.884.203	45.339.266
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		14.311.153	7.961.305
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		31.280.383	26.318.790
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		5.424.444	11.059.171
155	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	1.128.868.223	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		40.249.466.125	43.369.249.238
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.496.886.353	6.350.659.266
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	5.056.176.176	5.717.370.743
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	440.710.177	633.288.523
220	II. Tài sản cố định		8.230.939.509	10.017.094.697
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	6.886.928.496	8.664.993.197
222	Nguyên giá		7.956.088.864	10.076.814.951
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.069.160.368)	(1.411.821.754)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.344.011.013	1.352.101.500
228	Nguyên giá		1.429.539.847	1.429.539.847
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(85.528.834)	(77.438.347)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	3.485.523.219	3.510.539.222
231	1. Nguyên giá		3.567.861.308	3.567.861.308
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(82.338.089)	(57.322.086)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		18.145.338.935	17.983.864.412
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	18.145.338.935	17.983.864.412
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		866.069.435	877.887.933
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	853.947.532	865.766.030
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16	12.101.903	12.101.903
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000	20.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.024.708.674	4.629.203.708
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	918.903.968	1.497.175.881
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.2	95.201.780	91.119.227
269	3. Lợi thế thương mại		3.010.602.926	3.040.908.600
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		50.801.154.495	52.763.469.601

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

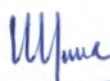
Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		34.426.129.135	36.113.695.179
310	I. Nợ ngắn hạn		11.831.263.835	12.726.074.032
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	1.492.603.925	1.319.409.776
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	3.549.164.522	3.546.000.509
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	214.562.098	195.748.396
314	4. Phải trả người lao động		67.737.452	74.235.298
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	653.331.891	846.456.575
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		6.760.210	6.760.210
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	927.101.270	1.535.617.649
320	8. Vay ngắn hạn	23	4.916.064.237	5.197.619.996
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.938.230	4.225.623
330	II. Nợ dài hạn		22.594.865.300	23.387.621.147
333	1. Chi phí phải trả dài hạn		191.214.558	4.222.541
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	993.360.823	1.374.575.760
338	3. Vay dài hạn	23	20.868.706.125	21.444.223.544
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.2	264.550.122	287.204.877
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		277.033.672	277.394.425
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	24	16.375.025.360	16.649.774.422
410	I. Vốn chủ sở hữu		16.375.025.360	16.649.774.422
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		7.899.679.470	7.899.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.899.679.470	7.899.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.539.078.784	3.539.078.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		608.372.085	650.139.359
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.396.997.246	1.391.155.127
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.391.155.127	2.527.805.613
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này		5.842.119	(1.136.650.486)
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.651.689.112	2.890.513.019
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		50.801.154.495	52.763.469.601




Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập

Ngày 19 tháng 5 năm 2017



Dương Hoàng Bắc
 Kế toán trưởng




 Võ Trường Sơn
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2017

Ngân VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	824.014.210	1.972.292.199	824.014.210	1.972.292.199
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	-	(96.817)	-	(96.817)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	824.014.210	1.972.195.382	824.014.210	1.972.195.382
11	4. Giá vốn hàng bán	26	(605.090.667)	(1.676.693.985)	(605.090.667)	(1.676.693.985)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.2	218.923.543	295.501.397	218.923.543	295.501.397
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	145.866.503	216.847.266	145.866.503	216.847.266
22	7. Chi phí tài chính	27	(252.994.018)	(304.146.562)	(252.994.018)	(304.146.562)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(251.239.838)	(282.266.762)	(251.239.838)	(282.266.762)
24	8. (Lỗ) lãi trong công ty liên kết		(11.818.498)	37.844	(11.818.498)	37.844
25	9. Chi phí bán hàng		(29.831.315)	(26.540.281)	(29.831.315)	(26.540.281)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(101.887.266)	(76.038.506)	(101.887.266)	(76.038.506)
30	11. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(31.741.051)	105.661.158	(31.741.051)	105.661.158
31	12. Thu nhập khác	28	47.476.678	4.598.038	47.476.678	4.598.038
32	13. Chi phí khác	28	(7.254.684)	(23.127.032)	(7.254.684)	(23.127.032)
40	14. Lãi (lỗ) khác	28	40.221.994	(18.528.994)	40.221.994	(18.528.994)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.480.943	87.132.164	8.480.943	87.132.164
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(18.837.736)	(12.617.040)	(18.837.736)	(12.617.040)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.2	26.737.308	16.399.352	26.737.308	16.399.352
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		16.380.515	90.914.476	16.380.515	90.914.476
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		5.842.119	69.353.036	5.842.119	69.353.036
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		10.538.396	21.561.440	10.538.396	21.561.440
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)		7	88	7	88
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)		7	88	7	88




Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Ngày 19 tháng 5 năm 2017



Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.480.943	87.132.164
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình, bất động sản đầu tư và hao mòn TSCĐ vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11,12, 13	174.000.561	127.605.633
03	Các khoản dự phòng		94.319	(3.488.455)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(2.747.519)	17.624.166
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(185.810.200)	(211.895.629)
06	Chi phí lãi vay	27	251.239.838	282.266.762
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		245.257.942	299.244.641
09	Giảm các khoản phải thu		182.894.971	794.855.332
10	Giảm hàng tồn kho		61.316.536	33.052.658
11	Tăng các khoản phải trả		159.670.624	7.172.443
12	Tăng chi phí trả trước		(64.240.858)	(31.890.164)
14	Tiền lãi vay đã trả		(328.150.479)	(225.836.465)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	29.1	(2.024.910)	(11.616.468)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(287.393)	(3.526.846)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		254.436.433	861.455.131
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(841.702.931)	(943.314.216)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		185.924.471	112.826.734
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(184.925.700)	(152.046.501)
24	Tiền thu hồi cho vay		58.805.000	282.307.199
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(862.944.145)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	255.468.830
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.624.543	49.274.051
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(771.274.617)	(1.258.428.048)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017


Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông không kiểm soát		-	1.652.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		378.275.244	2.121.417.997
34	Tiền trả nợ gốc vay		(443.350.168)	(2.624.677.347)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(65.074.924)	1.148.740.650
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(581.913.108)	751.767.733
60	Tiền đầu năm	4	791.208.293	967.966.695
70	Tiền cuối kỳ	4	209.295.185	1.719.734.428




Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập

Ngày 19 tháng 5 năm 2017


 Dương Hoàng Bắc
 Kế toán trưởng




 Võ Trường Sơn
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Quý I năm 2017

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và hai mươi tám (28) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty có chín (9) công ty con trực tiếp, ba mươi hai (32) công ty con gián tiếp và ba (3) công ty liên kết được trình bày trong Thuyết minh số 15 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày 31 tháng 3 năm 2017.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây trồng khác; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; xây dựng và kinh doanh thủy điện; cơ khí; sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, đường Trường Chinh, phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn Đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Tập đoàn áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký Chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý I năm 2017 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con được lập cho Quý I năm 2017.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách (*Thuyết minh số 3.12*). Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán như một nghiệp vụ vốn.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|---|---|---|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa | - | Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường |

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 10 năm
Vật nuôi	6 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
Phần mềm máy vi tính	8 năm
Tài sản khác	3 - 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,50
Năm thứ 2	2,80
Năm thứ 3	3,50
Năm thứ 4	4,40
Năm thứ 5	4,80
Năm thứ 6	5,40
Năm thứ 7	5,40
Năm thứ 8	5,10
Năm thứ 9	5,10
Năm thứ 10	5,00
Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 20	Giá trị còn lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 - 30 năm
Trung tâm thương mại	50 năm
Văn phòng cho thuê	50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, văn phòng cho thuê, vườn cây và công trình thủy điện của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn tiêu và vườn cây ăn quả như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Dự án bò

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bò như giá trị bò giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí khác có liên quan.

Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar

Bao gồm chi phí xây dựng và vận hành dự án Khu Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar tại số 192, Đường Kaba Aye Pagoda, Thị trấn Bahan, Thành phố Yangon, Myanmar, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Thành lập số 248DC/2012-2013 ngày 6 tháng 12 năm 2012 cấp bởi Bộ Phát triển Kinh tế và Kế hoạch Quốc gia Myanmar. Đây là dự án xây dựng và vận hành khu Khách sạn, Trung tâm thương mại, Tòa nhà văn phòng và Căn hộ cho thuê trị giá 440 triệu USD tại Myanmar (diện tích đất 73.358m²). Việc đầu tư vào dự án này được cấp phép bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư ra Nước ngoài số 586/BKHĐT-ĐTRNN ngày 21 tháng 2 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo)

Công trình thủy điện

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công trình thủy điện như chi phí đền bù đất, khai hoang, xây dựng đập, đường truyền dẫn và chi phí liên quan khác.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn mía, vườn bắp, vườn cây ăn quả, chi phí khai hoang và trồng cỏ, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ và chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo, quảng cáo) và công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 3 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Chi phí trả trước (tiếp theo)

- ▶ Chi phí phát triển vườn mía, bắp, cây ăn quả, chi phí khai hoang trồng cỏ bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- ▶ Chi phí phát triển cầu thủ bao gồm các chi phí liên quan đến việc đào tạo và phát triển các cầu thủ thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai - Arsenal JMG ("HAGL-JMG"). Chi phí phát triển cầu thủ được phân bổ trong vòng từ 7 đến 10 năm căn cứ theo thời hạn hợp đồng đã ký kết giữa HAGL-JMG với các cầu thủ.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý vào ngày mua. Các nghiệp vụ và giao dịch này không làm phát sinh lợi thế thương mại.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- ▶ Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả kỳ kế toán, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- ▶ Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận gộp trong giá trị khoản đầu tư và không thực hiện phân bổ khoản lợi thế thương mại này cho đến khi công ty liên kết trở thành công ty con. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các khoản dự phòng

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ kế toán và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tất cả các khoản chênh lệch hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần vốn chủ sở hữu và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được thực hiện như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng tỷ theo giá mua và bán vào bình quân của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- ▶ Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân kỳ;
- ▶ Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.18 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.19 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

▶ Quỹ phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (dựa trên tỷ suất sinh lợi của tài sản) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập chuyển nhượng cổ phần được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.21 Thuế***Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền gửi ngân hàng	193.776.496	767.341.856
Tiền mặt tại quỹ	15.518.689	23.866.437
TỔNG CỘNG	<u>209.295.185</u>	<u>791.208.293</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	941.153.655	816.345.701
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	832.129.955	821.662.397
Phải thu về thanh lý tài sản cố định và bất động sản đầu tư	112.525.751	116.853.085
Phải thu tiền bán căn hộ	15.071.538	17.792.679
TỔNG CỘNG	<u>1.900.880.899</u>	<u>1.772.653.862</u>

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 489.035.502 ngàn VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 (*Thuyết minh số 30*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	956.825.482	1.084.871.410
Trả trước cho nhà thầu các công trình xây dựng của Tập đoàn và mua máy móc, thiết bị	208.510.573	226.917.728
Trả trước cho thầu phụ hai dự án sân bay ở Lào	3.202.871	3.214.912
Trả trước cho việc mua đất và các dự án bất động sản	-	1.834.466
TỔNG CỘNG	<u>1.168.538.926</u>	<u>1.316.838.516</u>

Trả trước người bán bao gồm các khoản trả trước cho các bên liên quan là 740.599.101 ngàn VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 (Thuyết minh số 30).

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 30)	2.631.399.107	1.976.619.350
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") (i)	726.516.211	726.516.211
Bên liên quan khác (ii)	1.904.882.896	1.250.103.139
Cho vay ngắn hạn các bên khác (iii)	188.584.881	57.737.906
	<u>2.819.983.988</u>	<u>2.034.357.256</u>
Dài hạn		
Cho vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 30)	4.374.240.543	4.975.852.142
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") (i)	1.495.534.286	1.490.961.271
Bên liên quan khác (ii)	2.878.706.257	3.484.890.871
Cho vay dài hạn các bên khác (iii)	511.935.035	571.518.003
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	170.000.598	170.000.598
	<u>5.056.176.176</u>	<u>5.717.370.743</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.876.160.164</u>	<u>7.751.727.999</u>

- (i) Đây là khoản Công ty và các công ty con của Công ty cho An Phú vay theo hợp đồng vay số 01/07/HĐV/AP/HAGL ngày 17 tháng 7 năm 2014 ("Hợp đồng 1"), hợp đồng vay số 02/08/HĐV/AP/XNK ngày 8 tháng 8 năm 2014 ("Hợp đồng 2"), hợp đồng vay số 01/15/HA-AP ngày 7 tháng 4 năm 2015 ("Hợp đồng 3") và hợp đồng vay số 01/2016/HĐV-NNQT-AP ngày 27 tháng 5 năm 2016 ("Hợp đồng 4"), Hợp đồng vay số 3008/HĐVCSTN-BĐSAP ngày 20 tháng 8 năm 2016 ("Hợp đồng 5") và Hợp đồng vay số 01/2016HĐVCSTN-BĐSAP ngày 30 tháng 12 năm 2016 ("Hợp đồng 6") chi tiết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

- (i) Hợp đồng 1 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 650 tỷ VND và có lãi suất trong kỳ là 8%/năm (2016: 8%/năm).
 Hợp đồng 2 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 300 tỷ VND và có lãi suất trong kỳ là 15%/năm (2016: 12%/năm).
 Hợp đồng 3 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 700 tỷ VND không lãi suất.
 Hợp đồng 4 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 300 tỷ VND có lãi suất trong kỳ là 14%/năm (2016: 11,5%/năm).
 Hợp đồng 5 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 283 tỷ VND có lãi suất trong kỳ là 8%/năm (2016: 6%/năm).
 Hợp đồng 6 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 287 tỷ VND có lãi suất trong kỳ là 10%/năm (2016: 9,5%/năm).
- (ii) Cho vay các bên khác thể hiện khoản cho vay các tổ chức và cá nhân khác với thời hạn đáo hạn từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 9 năm 2021 và lãi suất trung bình từ 6%/năm đến 13%/năm.
- (iii) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai. Chi tiết như sau:

	Quý I năm 2017	Đô la Mỹ Quý I năm 2016
Số đầu kỳ (USD)	7.482.421	7.482.421
Số cuối kỳ (USD)	7.482.421	7.482.421
Số cuối kỳ (Ngàn VND)	170.000.598	170.000.598

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Lãi cho vay các tổ chức và cá nhân khác	1.404.948.183	1.243.347.511
Phải thu nhân viên	79.414.956	70.654.151
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	43.730.499	44.289.460
Các khoản khác	413.716.946	314.389.991
	1.941.810.584	1.672.681.113
Dài hạn		
Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC")	85.000.000	132.347.166
Lãi cho vay các tổ chức và cá nhân khác	46.159.128	81.356.191
Ký quỹ, ký cược dài hạn	14.055.457	20.931.632
Cho mượn các công ty	-	397.983.108
Phải thu dài hạn khác	295.495.592	670.426
	440.710.177	633.288.523
	2.382.520.761	2.305.969.636

Phải thu khác bao gồm các khoản phải thu ngắn hạn các bên liên quan là 1.486.572.129 ngàn VND và các khoản phải thu dài hạn các bên liên quan là 116.487.500 ngàn VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 (*Thuyết minh số 30*).

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	125.959.763	134.333.625
Thành phẩm	9.791.194	29.303.407
Hàng hóa	16.476.753	9.533.507
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	984.619.471	1.403.667.094
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	587.616.330	601.329.775
<i>Chi phí nuôi bò</i>	323.220.592	419.894.535
<i>Sản xuất</i>	72.323.369	381.653.599
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	1.459.180	789.185
Nguyên vật liệu	214.537.067	160.086.800
Vật liệu xây dựng	34.604.402	15.206.574
Công cụ, dụng cụ	6.412.879	70.023.675
	1.392.401.529	1.822.154.682
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.962.424)	(32.688.105)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.359.439.105	1.789.466.577

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đây là giá trị tài sản ròng của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu đang được tiến hành thủ tục chuyển nhượng cho bên thứ ba.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vật nuôi và cây trồng lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng	Đơn vị
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.349.189.153	2.061.117.896	1.998.347.450	8.231.054	2.610.345.363	49.584.035	10.076.814.951	Ngàn VND
Tăng trong kỳ	30.690.947	7.218.712	39.932.605	-	344.275.578	-	422.117.842	
Mua sắm mới	17.603.069	2.472.697	37.978.023	-	9.704.196	-	67.757.985	
Xây dựng mới	13.087.878	4.746.015	1.954.582	-	334.571.382	-	354.359.857	
Giảm trong kỳ	(909.631.570)	(1.043.720.047)	(402.940.267)	(207.364)	(180.151.732)	(6.192.949)	(2.542.843.929)	
Thanh lý	-	(906.633)	(2.633.518)	-	(170.860.160)	-	(174.400.311)	
Chuyển sang tài sản chờ thanh lý	(892.664.382)	(1.068.013.927)	(388.656.831)	(210.463)	-	-	(174.400.311)	
Chênh lệch tỷ giá	(2.640.081)	(607.502)	(2.834.827)	3.099	(6.625.840)	(6.163.520)	(2.355.709.123)	
Phân loại lại	(14.327.107)	25.808.015	(8.815.091)	-	(2.665.732)	(29.344)	(12.734.495)	
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2017	2.470.248.530	1.024.616.561	1.635.339.788	8.023.690	2.774.469.209	43.391.086	7.956.088.864	
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	(363.144.371)	(438.078.851)	(337.804.895)	(5.385.475)	(247.096.781)	(20.311.381)	(1.411.821.754)	
Tăng trong kỳ	(19.721.571)	(27.120.289)	(37.835.976)	(208.907)	(39.097.226)	(1.395.098)	(125.379.067)	
Khấu hao trong kỳ	(19.721.571)	(27.120.289)	(37.835.976)	(208.907)	(39.097.226)	(1.395.098)	(125.379.067)	
Giảm trong kỳ	139.341.379	223.787.430	70.236.411	168.609	33.124.429	1.382.195	468.040.453	
Thanh lý	-	198.326	1.342.946	-	34.620.790	-	36.162.062	
Chuyển sang tài sản chờ thanh lý	119.671.400	239.033.595	69.703.164	167.246	-	1.368.673	429.944.078	
Chênh lệch tỷ giá	478.249	204.344	508.725	1.363	728.110	13.522	1.934.313	
Phân loại lại	19.191.730	(15.648.835)	(1.318.424)	-	(2.224.471)	-	-	
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2017	(243.524.563)	(241.411.710)	(305.404.460)	(5.425.773)	(253.069.578)	(20.324.284)	(1.069.160.368)	
Giá trị còn lại								
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.986.044.782	1.623.039.045	1.660.542.555	2.845.579	2.363.248.582	29.272.654	8.664.993.197	
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2017	2.226.723.967	783.204.851	1.329.935.328	2.597.917	2.521.399.631	23.066.802	6.886.928.496	

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 3 năm 2017	<u>1.295.254.666</u>	<u>134.285.181</u>	<u>1.429.539.847</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	(25.465.666)	(51.972.681)	(77.438.347)
Khấu hao trong kỳ	<u>(3.968.145)</u>	<u>(4.122.342)</u>	<u>(8.090.487)</u>
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2017	<u>(29.433.811)</u>	<u>(56.095.023)</u>	<u>(85.528.834)</u>
Giá trị còn lại			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>1.269.789.000</u>	<u>82.312.500</u>	<u>1.352.101.500</u>
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2017	<u>1.265.820.855</u>	<u>78.190.158</u>	<u>1.344.011.013</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Trung tâm thương mại	Ngàn VND
Nguyên giá				
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 3 năm 2017	<u>19.597.252</u>	<u>2.409.421.034</u>	<u>1.138.843.022</u>	<u>3.567.861.308</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>(3.033.441)</u>	<u>(31.772.520)</u>	<u>(22.516.125)</u>	<u>(57.322.086)</u>
Khấu hao trong kỳ	<u>(171.021)</u>	<u>(16.870.791)</u>	<u>(7.974.191)</u>	<u>(25.016.003)</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2017	<u>(3.204.462)</u>	<u>(48.643.311)</u>	<u>(30.490.316)</u>	<u>(82.338.089)</u>
Giá trị còn lại				
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>16.563.811</u>	<u>2.377.648.514</u>	<u>1.116.326.897</u>	<u>3.510.539.222</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2017	<u>16.392.790</u>	<u>2.360.777.723</u>	<u>1.108.352.706</u>	<u>3.485.523.219</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí phát triển vườn cây cao su	9.303.074.488	9.412.151.145
Chi phí phát triển vườn cây cọ dầu	3.471.793.268	3.243.680.311
Nhà máy thủy điện	3.457.303.890	3.435.534.450
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	926.544.751	638.772.312
Nhà xưởng và nhà văn phòng nông trường	551.454.092	694.803.144
Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	209.071.327	307.993.752
Vườn cây hồ tiêu	117.084.990	119.602.634
Học viện bóng đá HAGL - Arsenal JMG	44.790.750	39.910.578
Dự án bò	18.287.646	4.726.452
Các công trình khác	45.933.733	86.689.634
TỔNG CỘNG	18.145.338.935	17.983.864.412

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

15.1. Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các công ty con tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu (%)
Bất động sản				
(1) Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	4/6/2007	68,90
(2) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	Yangon, Myanmar	Đang hoạt động	21/2/2013	68,90
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Bangkok, Thái Lan	Đang hoạt động	2009	(i) 32,38
Thủy điện				
(4) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	5/6/2007	99,40
(5) Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Viên chăn, Lào	Trước hoạt động	18/7/2011	99,40
(6) Công ty TNHH Điện Nậm Kóng 3	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	31/5/2013	99,40
Nông nghiệp				
(7) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	26/5/2010	75,02
(8) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	5/2/2013	75,02
(9) Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	26/1/2011	75,01
(10) Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	1/11/2011	75,01

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

15.1. Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Chi tiết về các công ty con tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 như sau (tiếp theo):

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nông nghiệp (tiếp theo)				
(11) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	1/2/2007	73,35
(12) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	12/1/2007	73,35
(13) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	12/9/2007	74,67
(14) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	15/1/2010	74,61
(15) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	22/5/2008	75,02
(16) Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	17/2/2011	73,35
(17) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	16/7/2010	75,02
(18) Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	25/1/2010	75,02
(19) Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	15/12/2010	75,02
(20) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	18/11/2009	75,02
(21) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	26/4/2015	74,27
(22) Công ty Cổ phần An Đông Mia	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	15/10/2015	53,60
(23) Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	15/10/2015	53,60
(24) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	14/10/2015	74,80
(25) Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	14/10/2015	74,80
(26) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	22/2/2016	75,02
(27) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	22/2/2016	75,02
(28) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	22/2/2016	75,02
(29) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	22/2/2016	75,02
(30) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	22/2/2016	75,02
(31) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	9/12/2016	74,96

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

15.1. Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Chi tiết về các công ty con tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 như sau (tiếp theo):

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Ngày thành lập/ ngày mua</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Khai khoáng				
(32) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Ngưng hoạt động	8/12/2007	99,40
(33) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Tỉnh Kon Tum, Việt Nam	Ngưng hoạt động	9/2/2010	99,40
(34) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Tỉnh Attapeu, Lào	Ngưng hoạt động	15/10/2009	99,40
Xây dựng, kinh doanh và dịch vụ				
(35) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	12/1/2009	69,85
(36) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	7/5/2008	99,00
(37) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Viên chăn, Lào	Trước hoạt động	6/1/2009	80,00
(38) Công ty TNHH V&H Corporation	Viên chăn, Lào	Trước hoạt động	27/3/2009	100,00
(39) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viên chăn, Lào	Trước hoạt động	6/5/2010	100,00
(40) Công ty Cổ phần Quản lý Bất Động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Tp. Đà Nẵng, Việt Nam	Đang hoạt động	27/7/2012	94,50
(41) Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	14/3/2017	51,00

(i) Tập đoàn nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát công ty này.

Tình trạng trước hoạt động là công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh tại ngày 31 tháng 3 năm 2017.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

15.2. Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 3 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ Ngân VND
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Chăn nuôi	23,46	584.262.567	23,46	599.017.484
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	262.075.444	49,14	259.139.025
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế điện	25,00	7.609.521	25,00	7.609.521
TỔNG CỘNG			853.947.532		865.766.030

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đầu tư vào các công ty khác	6.200.000	6.200.000
Các khoản đầu tư khác	5.901.903	5.901.903
TỔNG CỘNG	12.101.903	12.101.903

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công cụ, dụng cụ	378.915.076	380.772.736
Chi phí khai hoang và trồng cỏ	220.895.162	109.762.962
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	117.030.042	186.650.601
Tiền thuê đất	79.311.067	73.795.185
Chi phí đào tạo học viện bóng đá HAGL - JMG	55.653.398	57.955.720
Chi phí thuê văn phòng	25.157.325	25.358.651
Chi phí phát triển vườn mía	-	618.978.018
Chi phí trả trước dài hạn khác	41.941.898	43.902.008
TỔNG CỘNG	918.903.968	1.497.175.881

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	629.184.095	408.139.015
Phải trả nhà thầu xây dựng	440.594.585	446.817.869
Phải trả tiền mua quyền sử dụng đất dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	401.212.100	451.447.328
Phải trả tiền mua máy móc thiết bị và phát triển vườn cây	14.183.145	5.256.463
Các khoản khác	7.430.000	7.749.101
TỔNG CỘNG	1.492.603.925	1.319.409.776

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 438.729.624 ngàn VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 (Thuyết minh số 30).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Khách hàng ứng trước mua dự án thủy điện	1.934.376.625	1.937.491.633
Tiền thanh toán của khách hàng mua căn hộ	766.279.055	531.096.293
Khách hàng thương mại trả tiền trước	650.248.427	883.696.039
Khách hàng xây dựng trả tiền trước	198.260.415	193.716.544
TỔNG CỘNG	<u>3.549.164.522</u>	<u>3.546.000.509</u>

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 305.772.994 ngàn VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 (*Thuyết minh số 30*).

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Thuế giá trị gia tăng	108.907.762	101.639.772
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 29.1</i>)	80.910.908	64.559.662
Thuế thu nhập cá nhân	14.243.093	13.129.027
Các khoản khác	10.500.335	16.419.935
TỔNG CỘNG	<u>214.562.098</u>	<u>195.748.396</u>

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí lãi vay	502.259.481	720.378.010
Chi phí hoạt động	96.764.578	71.098.565
Chi phí phát hành trái phiếu	54.307.832	54.980.000
TỔNG CỘNG	<u>653.331.891</u>	<u>846.456.575</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Phải trả tiền lãi vay	279.696.390	240.759.476
Phải trả các công ty khác	263.065.931	900.490.146
Phải các cá nhân khác	183.446.601	137.404.447
Phải trả tiền thuê đất	18.051.221	29.593.804
Phí bảo trì căn hộ	13.573.215	13.573.215
Các khoản khác	169.267.912	213.796.561
	927.101.270	1.535.617.649
Dài hạn		
Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC")	550.000.000	550.000.000
Nhận ký quỹ thuê văn phòng	227.906.988	225.056.393
Tiền thuê đất phải trả	215.453.835	202.945.354
Các khoản khác	-	396.574.013
	993.360.823	1.374.575.760
TỔNG CỘNG	1.920.462.093	2.910.193.409

Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả ngắn hạn các bên liên quan là 249.042.438 ngàn VND và các khoản phải trả dài hạn các bên liên quan là 550.000.000 ngàn VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 (*Thuyết minh số 30*).

23. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vay ngắn hạn		
Trái phiếu chuyển đổi	1.100.000.000	1.100.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng (<i>Thuyết minh 23.1</i>)	937.934.275	1.109.370.510
Nợ vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (<i>Thuyết minh 23.3</i>)	737.637.403	848.022.851
Vay ngắn hạn khác	191.749.318	192.026.986
Nợ vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	1.948.743.241	1.948.199.649
Trong đó:		
Trái phiếu hoán đổi	1.130.000.000	1.130.000.000
Trái phiếu thường trong nước (<i>Thuyết minh 23.2</i>)	818.743.241	818.199.649
	4.916.064.237	5.197.619.996
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước (<i>Thuyết minh 23.2</i>)	11.520.937.701	11.510.416.174
Vay dài hạn ngân hàng (<i>Thuyết minh 23.3</i>)	9.034.083.158	9.620.720.418
Nợ dài hạn khác	313.685.266	313.086.952
	20.868.706.125	21.444.223.544
TỔNG CỘNG	25.784.770.362	26.641.843.540

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
		<i>Ngàn VND</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	642.604.989	541.434.117
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	138.723.370	193.307.774
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt	133.433.596	350.471.619
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	23.172.320	24.157.000
TỔNG CỘNG	937.934.275	1.109.370.510

23.2 Trái phiếu thường trong nước

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, trái phiếu thường trong nước được chi tiết như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Số tiền Ngàn VND	Ngày đáo hạn
Công ty TNHH Chứng khoán ACB	Ngày 25 tháng 4 năm 2012	820.024.292	Từ ngày 27 tháng 4 năm 2017 đến ngày 18 tháng 6 năm 2023
	Ngày 30 tháng 12 năm 2016	240.000.000	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 30 tháng 12 năm 2020
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	Ngày 29 tháng 12 năm 2016	930.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Ngày 28 tháng 11 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 28 tháng 12 năm 2021
	Ngày 29 tháng 12 năm 2016	183.000.000	Ngày 29 tháng 12 năm 2020
BIDV và BSC	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	6.546.000.000	Ngày 30 tháng 12 năm 2026
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT và ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Ngày 27 tháng 8 năm 2015	600.000.000	Từ ngày 27 tháng 12 năm 2021
Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital	Ngày 17 tháng 11 năm 2015	1.700.000.000	Từ ngày 17 tháng 12 năm 2017 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB và VPB	Ngày 27 tháng 12 năm 2016	431.000.000	Ngày 27 tháng 12 năm 2020
Chi phí phát hành trái phiếu		(110.343.350)	
TỔNG CỘNG		12.339.680.942	
<i>Trong đó:</i>			
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả		818.743.241	
Vay dài hạn		11.520.937.701	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Ngàn VND
		Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.199.414.020	3.778.546.313
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong	2.848.486.775	2.962.524.517
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt - Chi nhánh Attapeu	1.391.763.263	1.391.677.219
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	1.341.912.618	1.341.912.616
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	990.143.885	994.082.604
TỔNG CỘNG	9.771.720.561	10.468.743.269
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn	9.034.083.158	9.620.720.418
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	737.637.403	848.022.851

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngàn VND
Quý I năm 2016							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	555.077.253	279.895.303	2.023.903.249	14.296.947.419
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	69.353.036	69.353.036
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	92.167.805	-	-	92.167.805
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	-	-	-	-	-	377.910.857	377.910.857
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2016	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	647.245.058	279.895.303	2.471.167.142	14.836.379.117
Quý I năm 2017							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	650.139.359	279.895.303	1.391.155.127	13.759.261.403
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	5.842.119	5.842.119
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(41.767.274)	-	-	(41.767.274)
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2017	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	608.372.085	279.895.303	1.396.997.246	13.723.336.248

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Cổ phiếu

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	789.967.947	789.967.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>789.967.947</i>	<i>789.967.947</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>68.664</i>	<i>68.664</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	789.899.283	789.899.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>789.899.283</i>	<i>789.899.283</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND			
	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	824.014.210	1.972.292.199	824.014.210	1.972.292.199
Trong đó:				
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	244.583.872	92.016.751	244.583.872	92.016.751
Doanh thu bán bộ	196.203.744	1.233.020.940	196.203.744	1.233.020.940
Doanh thu từ dịch vụ cho thuê	175.855.767	6.432.220	175.855.767	6.432.220
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	143.838.877	53.279.048	143.838.877	53.279.048
Doanh thu bán mù cao su	56.688.202	-	56.688.202	-
Doanh thu căn hộ	6.843.748	161.954.009	6.843.748	161.954.009
Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường	-	246.581.733	-	246.581.733
Doanh thu bán bắp	-	88.442.794	-	88.442.794
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	-	64.477.600	-	64.477.600
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	-	26.087.104	-	26.087.104
Các khoản giảm trừ	-	(96.817)	-	(96.817)
Giảm giá hàng bán	-	(96.817)	-	(96.817)
Doanh thu thuần	824.014.210	1.972.195.382	824.014.210	1.972.195.382
Trong đó:				
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	244.583.872	91.919.934	244.583.872	91.919.934
Doanh thu bán bộ	196.203.744	1.233.020.940	196.203.744	1.233.020.940
Doanh thu từ dịch vụ cho thuê	175.855.767	6.432.220	175.855.767	6.432.220
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	143.838.877	53.279.048	143.838.877	53.279.048
Doanh thu bán mù cao su	56.688.202	-	56.688.202	-
Doanh thu căn hộ	6.843.748	161.954.009	6.843.748	161.954.009
Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường	-	246.581.733	-	246.581.733
Doanh thu bán bắp	-	88.442.794	-	88.442.794
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	-	64.477.600	-	64.477.600
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	-	26.087.104	-	26.087.104

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

25. DOANH THU (tiếp theo)

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngân VND			
	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay các công ty khác	140.503.527	206.824.493	140.503.527	206.824.493
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.415.190	2.205.480	3.415.190	2.205.480
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.722.822	5.221.845	1.722.822	5.221.845
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	2.595.448	-	2.595.448
Cổ tức	224.964	-	224.964	-
TỔNG CỘNG	145.866.503	216.847.266	145.866.503	216.847.266

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý I		Ngân VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	172.138.043	76.082.973	172.138.043	76.082.973
Giá vốn bán bù	197.233.626	1.099.937.458	197.233.626	1.099.937.458
Giá vốn dịch vụ cho thuê	65.343.998	1.180.728	65.343.998	1.180.728
Giá vốn dịch vụ cung cấp khác	122.904.552	47.353.786	122.904.552	47.353.786
Giá vốn bán mũ cao su	41.347.839	10.667.144	41.347.839	10.667.144
Giá vốn căn hộ	6.122.609	149.415.354	6.122.609	149.415.354
Giá vốn của các sản phẩm ngành đường	-	170.132.912	-	170.132.912
Giá vốn bán bắp	-	44.542.660	-	44.542.660
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	-	64.867.426	-	64.867.426
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	-	12.513.544	-	12.513.544
TỔNG CỘNG	605.090.667	1.676.693.985	605.090.667	1.676.693.985

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý I		Ngân VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay ngân hàng và trái phiếu	251.239.838	282.266.762	251.239.838	282.266.762
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	660.798	21.113.831	660.798	21.113.831
Các khoản khác	1.093.382	765.969	1.093.382	765.969
TỔNG CỘNG	252.994.018	304.146.562	252.994.018	304.146.562

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý I		Ngân VND	
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này			
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	47.476.678	4.598.038	47.476.678	4.598.038
Lãi thanh lý tài sản	43.358.888	-	43.358.888	-
Các khoản khác	4.117.790	4.598.038	4.117.790	4.598.038
Chi phí khác	7.254.684	23.127.032	7.254.684	23.127.032
Lỗ thanh lý tài sản	-	2.356.331	-	2.356.331
Khấu hao tài sản cố định ngừng sử dụng	3.955.056	1.064.327	3.955.056	1.064.327
Các khoản phạt	136.735	198.945	136.735	198.945
Các khoản khác	3.162.893	19.507.429	3.162.893	19.507.429
LÃI (LỖ) KHÁC	40.221.994	(18.528.994)	40.221.994	(18.528.994)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các công ty con của Tập đoàn tại Lào, Campuchia, Myanmar và Thái Lan có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất tương ứng dựa trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn, giảm thuế TNDN theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của các công ty thuộc Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí (thu nhập) thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Quý I năm 2017</i>	<i>Quý I năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.837.736	12.617.040
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(26.737.308)	(16.399.352)
TỔNG CỘNG	(7.899.572)	(3.782.312)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Thuế TNDN hiện hành

	Ngàn VND	
	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
Lợi nhuận trước thuế	8.480.943	87.132.164
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế		
<i>Điều chỉnh tăng</i>		
Các khoản lỗ của các công ty con	57.210.255	152.615.781
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	30.305.674	10.532.274
Biến động lợi nhuận nội bộ chịu thuế chưa thực hiện	2.719.769	29.377.846
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	1.577.621	1.458.122
Lỗ (lãi) trong công ty liên kết	11.818.498	(37.844)
Chi phí lãi vay được khấu trừ ở các công ty nhưng được vốn hóa khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	76.940.692	(43.332.928)
<i>Điều chỉnh giảm</i>		
Lợi nhuận của các hoạt động thuộc diện miễn thuế	(89.806.160)	(187.213.168)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(2.747.519)	-
Thu nhập cổ tức	(224.964)	-
Các khoản khác	(16.430)	(45.335.788)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	96.258.379	5.196.459
Lỗ các năm trước chuyển sang	(2.069.697)	(998.686)
Thu nhập chịu thuế ước tính	94.188.682	4.197.773
Thuế TNDN hiện hành ước tính	18.837.736	839.554
Thuế TNDN hiện hành ước tính của hoạt động bất động sản	-	5.919.916
Trích thừa bổ sung thuế TNDN cho các năm trước	-	5.857.570
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	18.837.736	12.617.040
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	64.559.662	67.994.260
Thuế TNDN phải trả của các công ty con mới mua trong kỳ	-	10.557.894
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	(22.872)	121.688
Phân loại lại	(438.708)	(510.647)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(2.024.910)	(11.616.468)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	80.910.908	79.163.767

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ thể hiện như sau:

	<i>Bảng cân đối</i>		<i>Ngàn VND</i>
	<i>kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo</i>
	<i>Ngày 31 tháng 3</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>	<i>kết quả hoạt</i>
	<i>năm 2017</i>	<i>năm 2016</i>	<i>động kinh doanh</i>
			<i>hợp nhất giữa</i>
			<i>niên độ</i>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại			
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	95.201.780	91.119.227	(4.082.553)
	95.201.780	91.119.227	
Thuế TNDN hoãn lại phải trả			
Chi phí lãi vay vốn hoá ở khía cạnh hợp nhất	225.340.427	248.544.686	(23.204.259)
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết, công ty con	38.660.191	38.660.191	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	549.504	-	549.504
	264.550.122	287.204.877	
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			(26.737.308)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Lãi cho vay	49.388.039
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	32.870.917
		Mua chanh dây	23.154.847
		Mua hàng hóa và dịch vụ	18.501.282
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	3.919.454
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	44.192.497
		Doanh thu chanh dây	8.815.512
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	663.641
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	44.330.299
		Cung cấp dịch vụ	87.743
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	9.000.000
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	5.601.250
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	4.217.452
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	218.793
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan	Lãi cho vay	4.021.429
		Cung cấp dịch vụ	27.484
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	3.717.919
		Cung cấp dịch vụ	57.621
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	Lãi cho vay	2.437.500
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan	Lãi cho vay	2.036.791
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	2.002.921
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Lãi cho vay	1.945.928
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay	1.703.417
		Cung cấp dịch vụ	35.474
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	Lãi cho vay	1.570.888
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	517.661

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số dư</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)</i>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	342.791.443
		Phải thu dịch vụ xây dựng	15.507.637
		Phải thu tiền bán tài sản cố định	383.279
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Phải thu tiền bán tài sản cố định	84.650.440
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	42.774.248
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.067.249
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hoàng Nguyên	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	347.939
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	513.267
TỔNG CỘNG			<u>489.035.502</u>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</i>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Ứng trước mua hàng hoá và dịch vụ	712.253.791
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên kết	Ứng trước phí tư vấn thiết kế	15.056.000
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hoá và dịch vụ	13.016.410
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	272.900
TỔNG CỘNG			<u>740.599.101</u>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Cho vay	1.233.691.667
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cho vay	726.516.211
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Cho vay	189.000.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan	Cho vay	163.997.951
Công ty TNHH TM&DV Trúc Thịnh	Công ty liên quan	Cho vay	126.017.533
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Cho vay	115.917.134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 như sau (tiếp theo):

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số dư</i>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7) (tiếp theo)</i>			
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Cho vay	61.628.333
Công ty TNHH MTV Vạn Phúc Hưng	Công ty liên quan	Cho vay	14.130.278
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý BĐS Hoàng Anh	Công ty liên quan	Cho vay	500.000
TỔNG CỘNG			<u>2.631.399.107</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	985.185.582
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Lãi cho vay	84.703.568
		Nhờ thu hộ	15.023.657
		Khác	49.078.118
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	149.300.069
		Chi phí trả hộ	2.619.183
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn	48.916.614
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	27.183.105
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay	19.355.792
Công ty Cổ phần Gõ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	18.289.494
		Chi phí trả hộ	2.795.581
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Lãi cho vay	11.971.135
		Nhờ thu hộ	7.402.364
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	15.125.640
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	12.894.640
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	12.624.059
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	Lãi cho vay	5.630.358
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan	Lãi cho vay	5.340.957
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan	Lãi cho vay	3.991.418
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	Lãi cho vay	3.700.313
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	3.246.482

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 như sau (tiếp theo):

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số dư</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8) (tiếp theo)</i>			
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT	Tạm ứng hoạt động kinh doanh	1.600.000
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng hoạt động kinh doanh	300.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng hoạt động kinh doanh	294.000
TỔNG CỘNG			<u>1.486.572.129</u>
<i>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7)</i>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cho vay	1.495.534.286
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Cho vay	710.000.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Cho vay	675.198.956
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	Cho vay	381.703.227
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho vay	300.000.000
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	Cho vay	150.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan	Cho vay	125.340.957
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Cho vay	107.500.000
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Cho vay	105.110.065
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	Cho vay	96.670.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	82.726.796
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cho vay	54.140.387
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Cho vay	45.615.335
Công ty TNHH MTV Vạn Phúc Hưng	Công ty liên quan	Cho vay	30.048.554
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Cho vay	14.651.980
TỔNG CỘNG			<u>4.374.240.543</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 như sau (tiếp theo):

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	Ngàn VND Số dư
<i>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	85.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	31.487.500
TỔNG CỘNG			116.487.500
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 18)</i>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	353.593.338
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	71.353.174
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	9.328.145
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	4.344.814
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	110.153
TỔNG CỘNG			438.729.624
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 19)</i>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Ứng trước hợp đồng xây dựng	194.864.544
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hoá và dịch vụ	110.887.546
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước tiền mua hàng hóa	20.904
TỔNG CỘNG			305.772.994
<i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 22)</i>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Cho mượn tạm Thu hộ	129.591.481 9.945.026
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	68.157.232
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	19.502.275
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	9.158.584

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

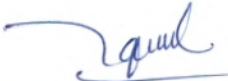
30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 như sau (tiếp theo):

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND Số dư
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 22) (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	5.983.971
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	4.688.276
Võ Thị Mỹ Hạnh	Bên liên quan	Cho mượn tạm	1.204.111
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	811.482
TỔNG CỘNG			<u>249.042.438</u>
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 22)			
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	<u>550.000.000</u>

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.




Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập

Ngày 19 tháng 5 năm 2017



Dương Hoàng Bắc
 Kế toán trưởng




 Võ Trường Sơn
 Tổng Giám đốc